TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MT** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2022/HNGĐ- ST
Ngày: 26- 7- 2022
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MT- TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Vĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phẩm.

2. Ông Nguyễn Thành Long..

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thuỷ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MT, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên toà: không.

Ngày 26 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện MT, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Nguyễn Thị Miên T, sinh 2000. Địa chỉ: ấp AH1, xã MA, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Phạm Công M, sinh 1998. Địa chỉ: ấp AH1, xã MA, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long - vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/3/2022 và trong quá trình hoà giải, nguyên đơn Nguyễn Thị Miên T trình bày:

Do quen biết nhau, chị Nguyễn Thị Miên T và anh Phạm Công M đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã MA, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long. Ngày 01/7/2019, anh chị được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 38. Cuộc sống vợ chồng ban đầu rất hạnh phúc, sau bđó có nhiều thay đổi, thường xuyên cải vả. Chị T và anh M đã ly thân từ khi Chị T khởi kiện đến nay, không quan tâm

đến đời sống chung của vợ chồng. Chị T cho rằng mục đích hôn nhân không đạc được nên khởi kiện xin ly hôn với anh M.

Chị T và anh M có một con chung tên là Phạm Băng N, sinh ngày 19/11/2019, hiện đang do Chị T nuôi dưỡng. Khi ly hôn, Chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu N.

Chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung và không yêu cầu chia tài sản chung, chia nợ chung.

Anh M đã được bàn giao hợp lệ nhiều lần thông báo thụ lý vụ án, thông báo về các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Nhưng anh M không tham dự các phiên họp, nên không tiến hành hòa giải và đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa, Chị T giữ nguyên yêu cầu nêu trong đơn khởi kiện ngày 07/3/2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Chị Nguyễn Thị Miên T khởi kiện xin ly hôn, nuôi con đối với anh Phạm Công M. Anh M có nơi cư trú tại ấp AH1, xã MA, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long. Tòa án nhân dân huyện MT xác định tranh chấp ly hôn và nuôi con, thụ lý giải quyết sơ thẩm là đúng quy định tại khoản khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Anh M đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Lần thứ nhất niêm yết vào ngày 16/6/2022, lần thứ hai niêm yết vào ngày 08/7/2022. Nhưng anh M đều vắng mặt không lý do. Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh M là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

2.1. Hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa Chị T và anh M là hợp pháp. Mâu thuẩn vợ chồng phát sinh Chị T khởi kiện xin ly hôn với anh M. Anh M đã được triệu tập tham dự phiên tòa lần thứ hai hợp lệ. Nhưng anh M đều vắng mặt không lý do và không ý kiến phản bác yêu cầu của Chị T nêu trong đơn khởi kiện đề ngày 07/3/2022. Cho thấy, anh M đã thừa nhận ý kiến và yêu cầu của Chị T nêu trong đơn khởi kiện đề ngày 07/3/2022 là đúng sự thật. Chứng minh được mục đích hôn nhân giữa Chị T và anh M không thể đạt được. Chị T khởi kiện xin ly hôn anh M là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

2.2.Con chung:

Chị T và anh M có một con chung tên là Phạm Băng N, sinh ngày 19/11/2019, hiện đang do Chị T nuôi dưỡng. Cháu N hiện chưa đủ 36 tháng

tuổi. Chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu N là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận.

2.3. Cấp dưỡng nuôi con chung:

Chị T không yêu cầu. Nên không xét.

2.3. Tài sản chung:

Chị T không yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu chia nợ chung. Nên không xét.

[3]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc Chị T nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm là đúng quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Án dụng khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Miên T:

1. Hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Miên T được ly hôn với anh Phạm Công M.

2. Con chung:

Giao chị Nguyễn Thị Miên T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng Phạm Băng N, sinh ngày 19/11/2019.

Anh M có quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Cấp dưỡng nuôi con chung:

Không xét.

3. Tài sản chung, nợ chung:

Không xét.

5. Án phí hôn nhân sơ thẩm:

Buộc chị Nguyễn Thị Miên T nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Chị T được khấu trừ từ 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp

tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện MT ngày 07/3/2022, lai số 0006985. Chị T không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn Nguyễn Thị Miên T, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể tứ ngày tuyên án. Riêng bị đơn Phạm Văn Minh vắng mặt, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Vĩnh Long;*
- *VKSND tỉnh Vĩnh Long;*
- *VKSND huyện MT;*
- *UBND xã MA;*
- *Đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
Đã ký

Huỳnh Văn Vĩnh